

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/DS-ST
Ngày 15-7-2024
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn H

Ông Hoàng Đức Cảnh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phùng Thế THnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, tHnh phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, tHnh phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2024/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Văn T, nơi cư trú: xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, tHnh phố Hải Phòng. Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Phạm Văn H, nơi cư trú: xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên, tHnh phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Đông H1, nơi cư trú: phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Trần Văn T và người có quyền lợi liên quan là ông là ông Nguyễn Đông H1 thống nhất trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên năm 2012, ông Phạm Văn H có nói với ông T, ông H1 là ông H có xin được giấy phép chống sạt lở núi ở dãy núi Sơn Đào thuộc xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên. Ông H có

đưa ông T và ông H1 đến xem núi Sơn Đào, sau khi xem xong, ông H có nói với ông T và ông H1 góp vốn cùng với ông H mua máy móc thiết bị để khai thác. Ông T bàn với ông H1 cùng nhau góp vốn với ông H cụ thể ông T góp 400.000.000 đồng, ông H1 góp 1.200.000.000 đồng. Tổng số tiền ông T và ông H1 đưa cho ông H là 1.600.000.000 đồng. Tháng 02 năm 2012, ông H1 là người trực tiếp chuyển tiền cho ông H. Ông H1 chuyển tiền cho ông H qua bưu điện hay Ngân Hng đến nay đã lâu ông H1 không nhớ rõ. Khi chuyển tiền, hai bên có thoả thuận nếu như ông H không mua được máy móc thiết bị thì ông H phải trả lại tiền trên cho ông T và ông H1. Các bên không có giấy phép kinh doanh và cũng không ký hợp đồng hợp tác gì. Ông H có viết giấy nhận nợ đối với số tiền trên. Ngày 25-9-2013, Sau khi ông H không mua được máy móc thiết bị thì ông H có viết giấy nhận nợ hẹn ông T và ông H1 cuối năm 2013 sẽ trả số tiền trên. Ông T và ông H1 đã nhiều lần đòi tiền nhưng ông H không trả. Đến nay ông T khởi kiện yêu cầu ông H phải trả cho ông T và ông H1 số tiền là 1.600.000.000 đồng và tiền lãi tính từ năm 2012 cho đến khi giải quyết xong với mức lãi suất là 1%/tháng, tổng số tiền lãi là 1.600.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án cũng như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H nhưng anh H không cung cấp lời khai, không lên Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn, đã chấp Hnh đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp Hnh đúng quy định của pháp luật. Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện. Về nội dung vụ án: Bị đơn không có lời khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ chưa xác định được bị đơn là người viết và ký nhận trong giấy nhận nợ. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 259 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên toà để thu thập bổ sung tài liệu chứng cứ là kết quả giám định chữ ký chữ viết trong giấy biên nhận ngày 25-9-2013 có phải là của bị đơn hay không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn kiện đòi tiền theo giấy nhận nợ, đây tranh chấp kiện đòi tiền giữa cá nhân và cá nhân, bị đơn hiện đang cư trú tại huyện Thuỷ Nguyên nên được xác định là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến Hnh xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Về đề nghị tạm ngừng phiên toà của Kiểm sát viên đề trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Phạm Văn H đã nhận trực tiếp các văn bản tố tụng của Toà án nhưng cố tình không đến Toà án để giải quyết và cũng không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các đương sự không ai có ý kiến đối với giấy biên nhận ngày 25-9-2013, không ai đề nghị Toà án trưng cầu giám định và Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải giám định chữ ký của ông Phạm Văn H trong giấy biên nhận ngày 25-9-2013. Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị tạm ngừng phiên toà của Kiểm sát viên, tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[4.1] Về số tiền nợ gốc: Giấy biên nhận ngày 25-9-2013 có nội dung: “*Tôi Phạm Văn H, địa chỉ: xã Thuỷ Đường, huyện Thuỷ Nguyên, cùng anh Nguyễn Đông H1, địa chỉ: Mạo Khê, Đông Triều và anh Trần Văn T cùng nhau đầu tư mua thiết bị máy móc khai thác, có bảo anh T chuyển cho tôi số tiền 1.600.000.000 đồng. Tôi có nhận số tiền trên vào t4/2012 của anh Trần Văn T. Nay tôi hẹn các anh T, H1 vào cuối năm 2013 tôi sẽ trả*” ông H ký ghi họ tên cuối giấy biên nhận. Theo nội dung giấy biên nhận nêu trên, ông H xác nhận đã nhận số tiền trên nhưng đến nay không trả, ông T khởi kiện yêu cầu ông H phải trả số tiền trên cho ông T và ông H1 là có căn cứ. Ông T và ông H1 đều xác định trong tổng số tiền trên, ông T có 400.000.000 đồng, ông H1 có 1.200.000.000 đồng, vì vậy ông H phải có trách nhiệm trả cho ông T 400.000.000 đồng và trả cho ông H1 1.200.000.000 đồng.

[4.2] Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên là 1%/tháng tính từ năm 2012 đến khi giải quyết xong vụ án. Theo giấy biên nhận tiền thì hai bên không có thoả thuận tiền lãi. Khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: “*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền tính lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468...*”. Khoản 2 Điều 468 quy định “*Trường hợp các bên có thoả thuận về lãi suất thì lãi suất không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...*”. Khoản 2 Điều 468 quy định “*....lãi suất xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn tại khoản 1 điều này tại thời điểm trả nợ*”. Căn cứ vào giấy biên nhận và các quy định của pháp luật, bên cho vay được quyền tính lãi từ ngày 01-01-2014 và được tính là 10%/năm của số tiền nhận nợ là: 1.600.000.000 đồng x 10%/năm/12 tháng x 10 năm,05 tháng = 1.666.667.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi là 1.600.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 116,117,118,119, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 12; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Phạm Văn H phải trả cho ông Trần Văn T số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi là: 400.000.000 đồng.

2. Buộc ông Phạm Văn H phải trả cho ông Nguyễn Đông H1 số tiền nợ gốc là 1.200.000.000 đồng và tiền lãi là: 1.200.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi Hành án có đơn yêu cầu thi Hành án cho đến khi thi Hành án xong, người phải thi Hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm Văn H phải chịu án phí sơ thẩm là 96.000.000 đồng. Trả lại cho ông Trần Văn T số tiền 48.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009813 ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Thủy Nguyên.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi Hành án dân sự, thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tHnh phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS h. Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai

